hàn bǎo

汉堡

noun · hamburger

Example Sentences

wǒ zhōng wǔ chī le yī gè hàn bǎo
我 中 午吃了一个汉 堡。

I ate a hamburger for lunch.

zhè jiā diàn de hàn bǎo hěn hǎo chī
这家 店 的汉 堡 很 好吃。

The hamburgers at this shop are very tasty.

Trace each character, then write the word on your own.





